TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2023/QĐST – DS	*C, ngày 10 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2023/TLST – DS, ngày 11 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Địa chỉ: 77 T, quận H, thành phố H.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Quang H – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

- *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông Đinh Trần Quốc T – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch S– Ngân hàng S, Chi nhánh G *(Văn bản ủy quyền số 01/2023/VBUQ-SHB, ngày 26/6/2023)*.

Địa chỉ: 842 Hùng Vương, thị trấn S, huyện S, tỉnh G.

Bị đơn: Ông Cao Văn M, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 *(Do ông Mai là chồng đại diện theo ủy quyền).*

Cùng địa chỉ: Thôn Thủy Phú, xã B, huyện C, tỉnh G.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về số nợ theo hợp đồng tín dụng: Ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng S theo Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 254/2018/HĐTDTDH-CN/SHB.130502, ngày 10/4/2018; Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số PL01-254/2018/HĐTDTDH-CN/SHB.130502, ngày 30/5/2019 với số tiền gốc là 167.000.000đ và tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 02/8/2023 là 114.134.723đồng; Tổng cộng: **281.134.723đ** *(Hai trăm tám mươi mốt triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng).*

2. 2. Thời hạn và phương thức trả nợ: Ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S thông qua Chi nhánh G (Địa chỉ: 87 H, phường D, thành phố P, tỉnh G) tổng số tiền là 281.134.723đ *(Hai trăm tám mươi mốt triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng).* Trong thời hạn cuối là ngày 02/11/2023.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày hòa giải 02/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. 3. Về tài sản thế chấp: Ông M và bà H thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 105/2016/HĐTC-CN/SHB.130502 ngày 25/03/2016, tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số: 258 – Tờ bản đồ số 27; Thửa đất số: 04 – Tờ bản đồ số 44; Thuộc Thôn Thủy Phú, xã B, huyện C, tỉnh G; Được UBND huyện Sgiấy CNQSD đất số T 629653, ngày 07/5/2001.

Ngân hàng có trách nhiệm xóa thế chấp và trả lại giấy CNQSD đất đối với diện tích đất đã thế chấp cho Ngân hàng ở trên khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên đúng thời hạn thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án để xử lý đối với tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2. 4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Các bên thỏa thuận, Ông M và bà H chịu chi phí Xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ và trả lại cho Ngân hàng 4.000.000đ vào ngày 02/11/2023.

2. 5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền **281.134.723đ** đồng là: **281.134.723đ**x5%:2 = 7.028.368đ. Các bên thỏa thuận, ông Cao Văn M và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 7.028.368đ. Ngân hàng S Chi nhánh G (Địa chỉ: 87 H, phường D, thành phố P, tỉnh G) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.900.000đ, đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0001395, ngày 11/7/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Nam Anh Chinh